

Bản án số: 408/2022/DS-PT

Ngày: 01/12/2022

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà NTMH

*Các Thẩm phán:* Bà TTP

Bà LTKN

**- Thư ký phiên tòa:** Bà NTMP - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh L

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L tham gia phiên tòa:** Ông HPK  
- Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 362/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*

1.1. Bà LTC, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp Tà Nu, xã KH, huyện VH, tỉnh L

*Người đại diện theo ủy quyền của bà LTC:* Bà NKO, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp Tà Nu, xã KH huyện VJ, tỉnh L (văn bản ủy quyền ngày 12/5/2021).

1.2. Bà ĐTN, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp GCM, xã KH, huyện VH, tỉnh L

1.3. Bà NTHD, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp TN, xã KH, huyện VH, tỉnh L

1.4. Bà LTT, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp TN, xã HĐ, huyện VH, tỉnh L

1.5. Ông VVHL, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp TN, xã HĐ, huyện VH, tỉnh L.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông VVHL:* Bà LTT, sinh năm 1983.  
Địa chỉ: Ấp TN, xã HĐ, huyện VH, tỉnh L (văn bản ủy quyền ngày 25/5/2021).

## 2. Bị đơn:

2.1. Bà TTR, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp TN, xã HĐ A, huyện VH, tỉnh L.

Địa chỉ liên hệ: Số 25, đường GS 1, khu phố Tây B, phường ĐH, thành phố DAN, tỉnh BD.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà TTR:* Luật sư NTR - Đoàn Luật sư Thành phố H.

2.2. Ông NVT, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp TN, xã HĐ A, huyện VH, tỉnh L.

Địa chỉ hiện nay: Ấp 5, xã PĐ, huyện CĐ, tỉnh LA.

2.3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông LVD, sinh năm 1982.  
Địa chỉ: Ấp TN, xã KH, huyện VH, tỉnh L.

- Người kháng cáo: Bà TTR và ông NVT.

(Các đương sự có mặt; Bà Cam, bà Rót, Luật sư Tình,  
ông Thiện và ông Dũng vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà LTC trình bày:*

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2021, bà C yêu cầu bà R trả tiền hội 50.000.000 đồng. Bà có tham gia chơi hội do bà R làm chủ thảo, hội tháng 5.000.000 đồng, khai ngày 26/4/2020 âm lịch (sau đây viết tắt là AL) đến ngày 26/7/2022 (AL) là mãn hội, có 24 thành viên, 28 phần hội, bà tham gia 01 phần và đã đóng được 10 lần, đến tháng 3 năm 2021 (AL) thì bà R không mở hội nữa, bà đã đòi nhiều lần nhưng bà R không trả tiền cho bà. Ngày 22/4/2022, bà C có đơn xin rút đơn khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

*Nguyên đơn bà ĐTN trình bày:*

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/3/2022 và biên bản ghi lời khai, yêu cầu bà R và ông T phải liên đới trả cho bà số tiền 62.400.000 đồng, tại phiên tòa bà yêu cầu trả số tiền gốc 56.160.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày bà R tuyên bố không mở hội nữa là khoảng giữa tháng 3/2021 (AL) cho đến nay, hơn 14 tháng nhưng bà tính tròn 14 tháng x 0,83%/tháng. Lý do yêu cầu được bà trình bày như sau:

Vào ngày 10/12/2020 (AL) bà có tham gia 08 phần hội ngày 100.000 đồng/1 ngày, do bà TTR làm thảo hội, thời gian là 130 ngày (không có danh sách thành viên). Số tiền lãnh hội đối với 01 phần hội được tính như sau: (90.000 đồng x số phần hội sống (chưa lãnh hội)) + (100.000 đồng x số phần hội

chết (đã lãnh hội)), bà Rt được hưởng hoa hồng là 100.000 đồng/01 phần. Đến ngày 04/3/2021 (AL) thì Rớt ngưng không mở hội và tính tiền hội cho bà như sau: 78 ngày x 100.000 đồng/1 ngày x 8 phần = 62.400.000 đồng. Bà R có ghi giấy và ký tên xác nhận, hẹn 01 tháng sẽ trả cho bà nhưng không trả mà bỏ địa phương đi. Tổng cộng bà đã đóng cho bà R số tiền gốc như sau: 78 ngày 90.000 đồng/01 ngày x 08 phần = 56.160.000 đồng. Dây hội này bà biết có bà NTN cùng chơi chung.

*Nguyên đơn bà NTDH trình bày:*

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/3/2022 và biên bản ghi lời khai, bà D yêu cầu bà R và ông T phải liên đới trả cho bà số tiền 62.200.000 đồng, tại phiên tòa yêu cầu trả số tiền gốc đã góp hội là 46.345.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày bà R tuyên bố không mở hội nữa là khoảng giữa tháng 3/2021 (AL) cho đến nay, hơn 14 tháng nhưng bà tính tròn 14 tháng x 0,83%/tháng. Lý do yêu cầu được bà trình bày như sau: Bà có chơi hội do bà RR làm chủ thảo hội gồm: Hội tháng 1.000.000 đồng, bà chơi 03 dây, mỗi dây chơi 01 phần và đều chưa lãnh hội, tên trong các danh sách hội của bà là DV. Cụ thể:

- Hai dây hội cùng mở ngày 19 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 19/12/2019 đến ngày 19/10/2021 (AL) là mãn hội, mỗi dây có 24 thành viên (số dây 6 và số dây 7), tính đến ngày 19/02/2021 (AL) bà đã góp được 16 kỳ mở hội. Khi góp hội thì bà R gom chung 02 dây chứ không nói riêng từng dây nên số tiền gốc của các kỳ góp hội của hai dây như sau: Kỳ tháng 12 năm 2019 (AL) và các tháng 1, 2, 3 năm 2020 (AL) mỗi kỳ góp 1.400.000 đồng, kỳ tháng 4 (trước) năm 2020 AL góp 1.370.000 đồng, kỳ tháng 4 (sau) năm 2020 (AL) góp 1.330.000 đồng, kỳ tháng 5 năm 2020 (AL) góp 1.290.000 đồng, kỳ tháng 6, tháng 7 năm 2020 (AL) và tháng 02 năm 2021 (AL) mỗi kỳ góp 1.280.000 đồng, kỳ tháng 8 năm 2020 (AL) góp 1.320.000 đồng, kỳ tháng 9 và tháng 12 năm 2020 (AL) mỗi kỳ góp 1.360.000 đồng, kỳ tháng 10, tháng 11 năm 2020 (AL) và tháng 01 năm 2021 (AL) mỗi kỳ góp 1.340.000 đồng. Tổng cộng: 21.490.000 đồng (10.745.000 đồng/01 dây).

- Một dây hội mở ngày 02 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 02/5/2020 đến ngày 02/8/2022 (AL) là mãn hội, có tất cả 28 thành viên, tính đến ngày 02/3/2021 (AL), bà đã góp được 11 kỳ mở hội. Cụ thể như sau: Kỳ tháng 5 năm 2020 (AL) góp 690.000 đồng, kỳ tháng 6 góp 670.000 đồng, kỳ tháng 7 năm 2020 (AL) góp 800.000 đồng, kỳ tháng 8 và tháng 9 năm 2020 (AL) mỗi kỳ góp 720.000 đồng, kỳ tháng 10 và tháng 11 năm 2020 (AL) mỗi kỳ góp 630.000 đồng, kỳ tháng 12 năm 2020 AL góp 665.000 đồng, kỳ tháng 01 và tháng 02 năm 2021 (AL) mỗi kỳ góp 700.000 đồng, kỳ tháng 3 năm 2021 (AL) góp 650.000 đồng. Tổng cộng: 7.575.000 đồng.

- Ngoài ra, bà còn tham gia dây hội ngày bắt đầu ngày 02/12/2020 (AL) có tổng cộng 118 ngày, không có danh sách hội, bà chơi 02 phần. Số tiền lãnh hội đối với 01 phần hội được tính như sau: (90.000 đồng x số phần hội sống (chưa lãnh hội)) + (100.000 đồng x số phần hội chết (đã lãnh hội)). Ngày 15/3/2021 (AL), bà lãnh hội, bà R tính tiền vào giấy có tiêu đề hóa đơn bán lẻ,

sau khi trừ tiền cò và tiền hội chết phải đóng lại thì bà Rót nợ lại số tiền 18.560.000 đồng và ký tên ở cuối giấy nhưng bà Rót không giao hội. Bà xác định tổng số tiền gốc đã đóng là  $96 \text{ ngày} \times 90.000 \text{ đồng} \times 2 = 17.280.000 \text{ đồng}$ .

Các dây hội trên có các hội viên ở cùng địa phương chơi chung mà bà biết như: Bà TTT, bà LTD, ông NTT, ông TMC, bà VTT, bà PTHT, bà NTL và một số ông bà khác mà bà không biết họ tên cụ thể như: 4 Huỳnh, Đèo, Phan, Sen.

*Nguyên đơn bà LTT trình bày:*

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/3/2022 và biên bản ghi lời khai, bà Trang yêu cầu bà R và ông Thiện phải liên đới trả cho bà số tiền 48.000.000 đồng, tại phiên tòa bà yêu cầu trả số tiền gốc 32.235.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày bà Rót tuyên bố không mở hội nữa là khoảng giữa tháng 3/2021 (AL) cho đến nay, hơn 14 tháng nhưng bà tính tròn 14 tháng  $\times 0,83\%/tháng$ . Lý do yêu cầu được bà trình bày như sau:

Hội tháng 1.000.000 đồng, bà chơi 03 dây đều mở ngày 19 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 19/12/2019 đến ngày 19/10/2021 (AL) là mãn hội, mỗi dây có 24 thành viên (số dây 7, số dây 8 và số dây 9), mỗi dây bà tham gia 01 phần, tên trong các danh sách hội nêu trên là Trang (bán cá), tính đến ngày 19/02/2021 (AL) bà đã góp được 16 kỳ mở hội. Khi góp hội thì bà Rót gom chung 03 dây chứ không nói riêng từng dây nên số tiền gốc của các kỳ góp hội của 03 dây như sau: Kỳ tháng 12 năm 2019 (AL) và các tháng 1, 2, 3 năm 2020 (AL) mỗi kỳ góp 2.100.000 đồng, kỳ tháng 4 (trước) năm 2020 AL góp 2.055.000 đồng, kỳ tháng 4 (sau) năm 2020 (AL) góp 1.995.000 đồng, kỳ tháng 5 năm 2020 AL góp 1.935.000 đồng, kỳ tháng 6, tháng 7 năm 2020 (AL) và tháng 02 năm 2021 (AL) mỗi kỳ góp 1.920.000 đồng, kỳ tháng 8 năm 2020 (AL) góp 1.980.000 đồng, kỳ tháng 9 và tháng 12 năm 2020 (AL) mỗi kỳ góp 2.040.000 đồng, kỳ tháng 10, tháng 11 năm 2020 (AL) và tháng 01 năm 2021 (AL) mỗi tháng góp 2.010.000 đồng. Tổng cộng: 32.235.000 đồng (10.745.000 đồng/01 dây).

Các dây hội trên có các hội viên ở cùng địa phương chơi chung mà bà biết như: Bà NTHD, bà TTR, bà LTG, ông NTT, ông TMC, bà PTHT, bà Nguyễn Thị Liễu, bà ĐTH (2 Hoàng).

*Nguyên đơn ông VVHL trình bày:*

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/3/2022 và biên bản ghi lời khai yêu cầu bà Rót và ông Thiện phải liên đới trả cho ông số tiền 36.600.000 đồng, tại phiên tòa ông yêu cầu trả số tiền gốc 21.490.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày tuyên bố không mở hội nữa là khoảng giữa tháng 3/2021 (AL) cho đến nay, hơn 14 tháng nhưng chỉ tính tròn 14 tháng  $\times 0,83\%/tháng$ . Lý do yêu cầu được ông trình bày trong đơn khởi kiện và bà Trang là người đại diện theo ủy quyền trình bày tại phiên tòa như sau:

Hội tháng 1.000.000 đồng, ông chơi 02 dây, mỗi dây 01 phần, đều mở ngày 19 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 19/12/2019 đến ngày 19/10/2021 (AL) là mãn hội, mỗi dây có 24 thành viên (số dây 5 và số dây 6), tên trong các danh sách hội nêu trên là anh Hải, tính đến ngày 19/02/2021 (AL) ông đã góp được 16 kỳ mở hội. Khi góp hội thì bà Rót gom chung 02 dây chứ không nói riêng từng

dây nên số tiền gốc của các kỳ góp hụi của 02 dây như sau: Kỳ tháng 12 năm 2019 (AL) và các tháng 1, 2, 3 năm 2020 (AL) mỗi kỳ góp 1.400.000 đồng, kỳ tháng 4 (trước) năm 2020 (AL) góp 1.370.000 đồng, kỳ tháng 4 (sau) năm 2020 (AL) góp 1.330.000 đồng, kỳ tháng 5 năm 2020 (AL) góp 1.290.000 đồng, kỳ tháng 6, tháng 7 năm 2020 AL và tháng 02 năm 2021 (AL) mỗi tháng góp 1.280.000 đồng, kỳ tháng 8 năm 2020 (AL) góp 1.320.000 đồng, kỳ tháng 9 và tháng 12 năm 2020 (AL) mỗi tháng góp 1.360.000 đồng, kỳ tháng 10, tháng 11 năm 2020 (AL) và tháng 01 năm 2021 (AL) mỗi tháng góp 1.340.000 đồng. Tổng cộng: 21.490.000 đồng (10.745.000 đồng/01 dây).

Các dây hụi trên có các hụi viên ở cùng địa phương chơi chung mà ông biết như: Bà NTHD (Diệu Vững), TTT (2 Rinh), LTB, bà PTHT, bà NTL

*Ngoài ra, các nguyên đơn bà Ngân, bà Diệu, bà Trang, ông Hải Lớn cùng trình bày:* Từ trước đến nay, việc chơi hụi thì chỉ tin tưởng lẫn nhau, hụi viên chỉ được nhận danh sách hụi do chủ thảo giao hoặc chỉ thông báo bằng lời nói và đóng hụi cho chủ thảo, khi lãnh hụi thì chủ thảo hụi giao chứ các hụi viên không biết nhau, chủ thảo sẽ được hưởng hoa hồng, đối với hụi ngày thì bà Rót được hưởng hoa hồng 100.000 đồng/phần, hụi tháng 1.000.000 đồng thì hưởng hoa hồng 500.000 đồng/01 phần. Hụi của bà Rót cũng vậy, nên các ông, bà khởi kiện yêu cầu bà Rót trả tiền. Lý do yêu cầu ông Thiện liên đới là vì ông Thiện là chồng bà Rót, cùng sinh sống và làm kinh tế chung, ông Thiện biết rõ việc bà Rót làm thảo hụi và có gom tiền hụi cho bà Rót.

*Bị đơn bà TTR và người đại diện theo ủy quyền của bà Rót là bà Thịnh:* Đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến gửi Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến và lời trình bày.

*Bị đơn ông NVT:* Đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và có thể hiện ý kiến trong bản tự khai ngày 13/5/2022 là không đồng ý về việc các nguyên đơn khởi kiện ông cùng liên đới với bà Rót thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Lý do được ông trình bày như sau: Ông và bà Rót có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND xã PD, huyện CD, tỉnh L. Đầu năm 2021, bà Rót có chơi hụi với một số người và chơi nhiều dây hụi nhưng ông không biết chơi với ai, gồm bao nhiêu dây hụi cũng như việc bà Rót đã cầm bao nhiêu tiền và sử dụng vào việc gì, bà Rót cũng không có nói cho ông biết. Ông khẳng định các chi phí thiết yếu liên quan đến hoạt động của gia đình đều do ông kiếm tiền để trang trải.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông LVD:* Ông là chồng của bà Diệu, việc chơi hụi là do bà Diệu trực tiếp chơi nên cụ thể như thế nào thì ông không rõ. Ông thống nhất lời trình bày và yêu cầu của bà Diệu, ông không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh L đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 219, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định về hụi họ, biếu, phưởng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà LTC về việc buộc bà TTR trả số tiền nợ hụi 50.000.000 đồng.

Bà LTC có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà ĐTN, bà NTHD, bà LTT, ông VVHL về tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà TTR và ông NVT.

- Buộc bà TTR và ông NVT phải liên đới trả cho bà ĐTN số tiền nợ hụi là 62.686.000 đồng (tiền gốc: 56.160.000 đồng và tiền lãi 6.526.000 đồng).

- Buộc bà TTR và ông NVT phải liên đới trả cho bà NTHD số tiền nợ hụi là 51.730.000 đồng (tiền gốc: 46.345.000 đồng và tiền lãi: 5.385.000 đồng).

- Buộc bà TTR và ông NCT phải liên đới trả cho bà LTT số tiền còn nợ hụi là 35.981.000 đồng (tiền gốc: 32.235.000 đồng và tiền lãi 3.746.000 đồng).

- Buộc bà TTR và ông NVT phải liên đới trả cho ông VVHL số tiền còn nợ hụi là 23.987.000 đồng (tiền gốc: 21.490.000 đồng và tiền lãi 2.497.000 đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Bà TTR và ông NVT phải liên đới chịu 8.719.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn lại cho bà ĐTN 1.560.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 16/6/2021 theo biên lai thu tiền số 0002976.

Hoàn lại cho bà NTHD 1.555.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ngày 18/6/2021 theo biên lai thu tiền số 0002977

Hoàn lại cho bà LTT 1.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ngày 28/6/2021 theo biên lai thu tiền số 0002986.

Hoàn lại cho ông VVHL 915.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ngày 28/6/2021 theo biên lai thu tiền số 0002987.

Hoàn lại cho bà LTC 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ngày 24/5/2021 theo biên lai thu tiền số 0002948.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn về quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 18/7/2022 và ngày 19/7/2022 bà TTR và ông NVT kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về việc buộc ông Thiện phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Các nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bà Rót và ông Thiện không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp, nộp thêm tài liệu, chứng cứ mới và vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở cấp sơ thẩm.

- Các nguyên đơn trình bày: Các nguyên đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà Rót và ông Thiện, yêu cầu bà Rót và ông Thiện phải có nghĩa vụ liên đới trả lại tiền hụi cho các nguyên đơn, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Tại đơn trình bày ý kiến và xin xét xử vắng mặt ngày 09 tháng 12 năm 2022, bị đơn bà TTR trình bày: Đối với yêu cầu của bà LTC đã rút yêu cầu khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử nên bà không có ý kiến. Đối với yêu cầu của bà ĐTN, bà NTHD, bà LTT và ông VVHL, bà xác nhận còn nợ tiền hụi gốc của các nguyên đơn và đồng ý trả. Tuy nhiên do thời điểm hiện tại công việc của bà gặp nhiều khó khăn, năng lực tài chính hạn chế nên đề nghị các nguyên đơn cho bà được trả dần số nợ nêu trên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bà Rót và ông Thiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về yêu cầu kháng cáo của bà R và ông T:

- Về xác định số tiền các hụi viên đã góp: Theo quy định tại Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ thì chủ thảo hụi là bà Rót có nghĩa vụ phải cung cấp thông tin liên quan đến các dây hụi trên cho hụi viên để giải quyết khi chấm dứt hợp đồng góp hụi nhưng bà Rót không cung cấp. Vì vậy căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của các hụi viên đã được xác minh xác định số tiền hụi gốc đã góp.

- Xét số tiền hụi gốc của bà ĐTN đã góp: Xét giấy có nội dung ghi: 78 ngày x 800 = 62.400.000, còn - 800.000, tổng số tiền = 61.600.000 đồng. Có chữ ký và ghi họ tên TTR. Xét giấy ghi nội dung: Hụi ngày khui Ngân 8 phần x 130 ngày kỳ 10/12/2020AL mãn hụi ngày giao xin trễ 1 tháng, phần chủ thảo có chữ ký và ghi họ tên TTR. Như vậy, lời trình bày của bà Ngân phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nay bà Ngân chỉ yêu cầu bà Rót trả số tiền gốc đã góp hụi là 78 ngày x 90.000 đồng/01 ngày x 8 phần = 56.160.000 đồng là có

căn cứ nên chấp nhận.

- Xét số tiền hụi gốc của bà NTHD đã góp: Đối với dây hụi ngày 100.000 đồng: Xét giấy có tiêu đề Hóa đơn bán lẻ có chữ ký và họ tên của bà TTR viết ngày 15/3/2021 AL có nội dung: *tính tiền hụi tổng cộng 118 ngày, gồm chết 96 ngày x 100 thành tiền* đồng, sống 22 x 90 thành tiền 1.980.000 đồng, sau khi trừ đi các khoản thì tổng hai phần hụi còn nợ 18.560.000 đồng. Nay bà Diệu chỉ yêu cầu bà Rớt trả số tiền gốc bà đã góp của 96 ngày x 90.000 đồng x 2 phần = 17.280.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

- Đối với hai dây hụi tháng 1.000.000 đồng cùng mở ngày 19/12/2019 AL, và đều có 24 người chơi, 24 phần (được ghi số dây 6 và số dây 7) và dây hụi tháng 1.000.000 đồng khai ngày 02/5/2020 AL gồm 28 người chơi, 28 phần (được ghi số dây 1), tên trong các danh sách hụi của bà Diệu là Diệu Vũng: Xét các dây hụi này bà Diệu đều cung cấp danh sách góp hụi và xác định dây hụi có số 6, 7 đã góp hụi từ ngày mở hụi đến tháng 02/2021 AL với số tiền 10.745.000 đồng/1 dây, còn dây hụi có số 1 thì góp đến tháng 3/2021 với tổng số tiền 7.575.000 đồng. Lời trình bày của bà Diệu được một số hụi viên cùng tham gia chung các dây hụi xác nhận thì có căn cứ xác định tổng số tiền bà Diệu đã góp của hai dây hụi là 29.065.000 đồng. Bà Diệu yêu cầu bà Rớt trả tổng cộng số tiền hụi gốc đã góp của các dây hụi là 46.345.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

- Xét số tiền hụi gốc của bà LTT đã góp: Bà Trang xác định chơi 03 dây hụi tháng 1.000.000 đồng cùng mở ngày 19/12/2019 AL và đều có 24 người chơi, 24 phần (được ghi số dây 7, số dây 8 và số dây 9) tên trong các danh sách hụi của bà Trang là Trang (bán cá): Xét các dây hụi này bà Trang đều cung cấp danh sách góp hụi và xác định đã góp hụi từ ngày mở hụi đến tháng 02/2021 AL với số tiền 10.745.000 đồng/1 dây. Lời trình bày của bà Trang được một số hụi viên cùng tham gia chung các dây hụi xác nhận thì có căn cứ xác định tổng số tiền gốc bà Trang đã góp của 03 dây hụi là 32.235.000 đồng.

- Xét số tiền hụi gốc của ông VVHL đã góp: Ông Hải Lớn xác định chơi 02 dây hụi tháng 1.000.000 đồng cùng mở ngày 19/12/2019 AL và đều có 24 người chơi, 24 phần (được ghi số dây 5, số dây 6) tên trong các danh sách hụi của ông là Anh Hải: Xét các dây hụi này ông Hải Lớn đều cung cấp danh sách góp hụi và xác định đã góp hụi từ ngày mở hụi đến tháng 02/2021 AL với số tiền 10.745.000 đồng/1 dây. Lời trình bày của ông Hải Lớn được một số hụi viên cùng tham gia chung các dây hụi xác nhận thì có căn cứ xác định số tiền gốc ông Hải Lớn đã góp 02 dây hụi là 21.490.000 đồng.

Về yêu cầu tính lãi: Các nguyên đơn bà Ngân, bà Diệu, bà Trang, ông Hải Lớn chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

- Xét yêu cầu của bà N, bà D, bà T và ông HL về việc buộc ông T phải cùng liên đới trả số tiền nợ hụi: Ông T và bà R là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng vẫn sống chung, cùng làm kinh tế gia đình cho đến khi bị khởi kiện và có 02 con chung; Đồng thời, việc bà Rớt làm chủ hụi



trong thời gian dài ông T đều biết và không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc bà Rót sử dụng số tiền có được từ việc làm thảo hụi để tiêu xài cá nhân. Như vậy, có căn cứ xác định tất cả số tiền nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên đây là nợ chung của bà R và ông T. Vì vậy, yêu cầu của bà Ngân, bà Diệu, bà Trang và ông HL về việc buộc ông Thiện phải có trách nhiệm liên đới với bà Rót trả nợ là có căn cứ và phù hợp với Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những căn cứ nêu trên, kháng cáo của bị đơn bà TTR, ông NVT không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà TTR và ông NVT thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà LTC, bà TTR, Luật sư NTT, ông NVT và ông LVD đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[3] Xét đơn kháng cáo của bà TTR và ông NVT, thấy rằng:

[3.1] Các nguyên đơn có tham gia chơi hụi do bà TTR làm chủ hụi từ năm 2020 đến năm 2021, các dây hụi hoạt động bình thường cho đến tháng 02/2021 thì bà Rót ngưng khai hụi hứa hẹn sẽ trả lại tiền vốn các hụi viên đã đóng nhưng bà Rót không trả số tiền hụi đã đóng cho các hụi viên. Các nguyên đơn khởi kiện, cụ thể: Bà ĐTN yêu cầu bà Rót và ông Thiện phải liên đới trả số tiền nợ hụi là 62.686.000 đồng (tiền gốc: 56.160.000 đồng và tiền lãi 6.526.000 đồng), bà Nguyễn Thị Hồng Diệu yêu cầu bà Rót và ông Thiện phải liên đới trả số tiền nợ hụi là 51.730.000 đồng (tiền gốc: 46.345.000 đồng và tiền lãi: 5.385.000 đồng), Lê Thị Trang yêu cầu bà Rót và ông Thiện phải liên đới trả số tiền nợ hụi là 35.981.000 đồng (tiền gốc: 32.235.000 đồng và tiền lãi 3.746.000 đồng), ông VVHL yêu cầu bà Rót và ông Thiện phải liên đới trả số tiền nợ hụi là 23.987.000 đồng (tiền gốc: 21.490.000 đồng và tiền lãi 2.497.000 đồng). Yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận.

[3.2] Bà TTR và ông NVT kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm lý do ông Thiện không biết, không tham gia tổ chức chơi hụi với bà Rót. Toàn bộ số tiền bà Rót có được từ việc chơi hụi là tiền của bà Rót, là tài sản riêng của cá nhân. Bà Rót tổ chức tổ chức chơi hụi với ai ông Thiện hoàn toàn không biết, số tiền hụi bà Rót không dùng phục vụ chi tiêu thiết yếu cho gia đình mà cho tiêu cá nhân. Bà Tôn Thị Rót thừa nhận còn nợ tiền hụi các nguyên đơn đúng như yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn nhưng xin được trả dần vì hiện nay kinh

tế của bà đang gặp khó khăn nhưng không được các nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ cho bà Rớt trả dần số tiền hui cho các nguyên đơn.

[3.3] Bà Rớt và ông Thiện là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện D, tỉnh L từ năm 2006, trong thời gian bà Rớt tổ chức chơi hui vợ chồng vẫn sống chung và cùng làm kinh tế cho đến khi bà Rớt ngừng hui và bỏ địa phương đi. Ông Thiện biết việc bà Rớt chơi hui với nhiều người, nhiều dây hui từ đầu năm 2021, ông Thiện cho rằng ông hoàn toàn không biết việc bà Rớt tổ chức chơi hui, số tiền hui bà Rớt không dùng phục vụ chi tiêu thiết yếu cho gia đình mà chi tiêu cá nhân nhưng ông Thiện không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, ông Thiện không đồng ý liên đới cùng bà Rớt trả nợ là không có căn cứ.

[3.4] Về yêu cầu tính lãi: Các nguyên đơn bà Ngân, bà D, bà T, ông Hải Lớn chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[4] Đối với đơn khởi kiện của bà LTC về việc buộc bà Rớt trả số tiền nợ hui 50.000.000 đồng. Bà C có đơn rút yêu cầu khởi kiện trước khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, việc rút đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào Điều 217, Điều 218, Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Cam.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn buộc bà Rớt và ông Thiện có nghĩa vụ liên đới trả nợ tiền hui và tiền lãi là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà Tôn Thị Rớt và ông Nguyễn Văn Thiện không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà R và ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Rớt và ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà TTR và ông NVT.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh L.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 217, 218, 219, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 274, 275, 280, 288, 471 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường; Căn cứ Điều 26 và

Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà LTC về việc buộc bà TTR trả số tiền nợ hụi 50.000.000 đồng.

Bà LTC có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà ĐTN, bà NTHD, bà LTT, ông VVHL về tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà TTR và ông NVT.

- Buộc bà TTR và ông NVT phải liên đới trả cho bà ĐTN số tiền nợ hụi là 62.686.000 đồng (tiền gốc: 56.160.000 đồng và tiền lãi 6.526.000 đồng).

- Buộc bà TTR và ông NVT phải liên đới trả cho bà NTHD số tiền nợ hụi là 51.730.000 đồng (tiền gốc: 46.345.000 đồng và tiền lãi: 5.385.000 đồng).

- Buộc bà TTR và ông NVT phải liên đới trả cho bà LTT số tiền còn nợ hụi là 35.981.000 đồng (tiền gốc: 32.235.000 đồng và tiền lãi 3.746.000 đồng).

- Buộc bà TTR và ông NVT phải liên đới trả cho ông VVHL số tiền còn nợ hụi là 23.987.000 đồng (tiền gốc: 21.490.000 đồng và tiền lãi 2.497.000 đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà TTR và ông NVT phải liên đới chịu 8.719.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn lại cho bà ĐTN 1.560.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ngày 16/6/2021 theo biên lai thu tiền số 0002976.

Hoàn lại cho bà NTHD 1.555.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ngày 18/6/2021 theo biên lai thu tiền số 0002977

Hoàn lại cho bà LTT 1.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ngày 28/6/2021 theo biên lai thu tiền số 0002986.

Hoàn lại cho ông VVHL 915.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ngày 28/6/2021 theo biên lai thu tiền số 0002987.

Hoàn lại cho bà LTC 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ngày 24/5/2021 theo biên lai thu tiền số 0002948.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà TTR phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003738 ngày 01/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh L

Ông NVT phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003739 ngày 01/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh L.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TpH;
- VKSND tỉnh L;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NTMH**

